

## VN Top 10 Châu Á - Thái Bình Dương về Công bố Quốc tế Chất lượng cao

Bảng xếp hạng theo quốc gia/vùng lãnh thổ trên các tạp chí khoa học hàng đầu thế giới giai đoạn 1.1.2019 - 31.12.2019, của tổ chức Nature Research cho thấy, VN đứng thứ 10 khu vực châu Á - Thái Bình Dương năm 2020.

Điều đáng mừng là VN đã duy trì được thứ hạng này liên tục từ năm 2017 đến nay.

### 2020 tables: Countries/territories

Table criteria

Region: Asia Pacific Subject/journals: All [Generate](#)

The 2020 tables are based on Nature Index data from 1 January 2019 to 31 December 2019.

[Request a badge](#)

[Export CSV](#)

2019	Country/territory	Share 2018	Share 2019	Count 2019	Change in Adjusted Share 2018-2019 *
1	China	11372.26	13566.11	18026	15.4% ↑
2	Japan	3082.69	3024.32	4905	-5.1% ↓
3	South Korea	1349.94	1435.23	2419	2.8% ↑
4	Australia	1254.34	1259.95	2986	-2.8% ↓
5	India	962.13	1041.49	1655	4.7% ↑
6	Singapore	606.42	607.95	1254	-3.0% ↓
7	Taiwan	393.18	371.77	931	-8.5% ↓
8	New Zealand	124.52	131.21	443	1.9% ↑
9	Thailand	40.71	49	254	16.4% ↑
10	Vietnam	16.63	16.35	79	-4.9% ↓

Đối sánh với các nước Đông Nam Á, mặc dù tụt 4,9% điểm so với năm 2018 và xếp dưới Singapore và Thái Lan, nhưng với tổng điểm bài báo năm 2019 (kết quả tính cho năm 2020) đạt 16,35, VN vẫn xếp trên các nước có tên trong bảng, như: **Indonesia, Malaysia, Philippines, Myanmar, Cambodia, Brunei, Laos**. Theo nhiều chuyên gia, những năm gần đây Malaysia là nước có lượng công bố quốc tế hàng năm gấp nhiều lần VN, và có tốc độ gia tăng số bài báo nhanh nhất khu vực. Nhưng dữ liệu Nature Index cho thấy, họ dường như chú trọng số lượng hơn chất lượng, khi điểm đóng góp của các bài báo vào những tạp chí chất lượng hàng đầu thế giới giảm 13,7% so với năm ngoái.

## Top 10 rising countries/territories

The table shows the top 10 rising countries/territories, ranked by change in adjusted Share\* from 2015 to 2019. Also listed are the country's Share and Count in 2019, percentage change in adjusted Share from 2015 to 2019, and global rank in the 2020 annual tables.

Click on column headers to sort

Rank	Country / Territory	Share 2019	Count 2019	Change in Adjusted Share* 2015-2019	Change in Adjusted Share* 2015-2019 (%)	2020 Annual Tables Rank
1	China	13566.11	18026	5267.70	63.5 %	2
2	Norway	228.73	736	63.52	38.4 %	26
3	Czech Republic	229.80	721	55.80	32.1 %	25
4	Russia	466.02	1414	46.37	11.0 %	18
5	Iran	112.21	293	37.33	49.8 %	33
6	Switzerland	1487.88	3270	30.65	2.1 %	8
7	Brazil	280.24	856	22.93	8.9 %	23
8	India	1041.49	1655	21.30	2.1 %	12
9	Austria	367.54	1135	20.15	5.8 %	22
10	Thailand	49.00	254	13.60	38.4 %	40

Với bảng xếp hạng các quốc gia đang lên về nghiên cứu chất lượng cao toàn thế giới, đáng chú ý Thái Lan là quốc gia duy nhất của Đông Nam Á lọt Top 10. Đứng đầu bảng xếp hạng này là Trung Quốc, tiếp theo là Norway và Cộng hòa Czech. Thái Lan cũng cho thấy sự phát triển nhanh ở lĩnh vực Hóa học, khi cũng vào Top 10 và đứng ở vị trí thứ 4 trong bảng xếp hạng theo lĩnh vực.

## Top 10 rising countries/territories in chemistry

The table shows the top 10 rising countries/territories in chemistry, ranked by change in adjusted Share\* from 2015 to 2019. Also listed are the country's Share and Count in 2019, percentage change in adjusted Share from 2015 to 2019, and global rank in the 2020 annual tables.

Click on column headers to sort

Rank	Country / Territory	Share 2019	Count 2019	Change in Adjusted Share* 2015-2019	Change in Adjusted Share* 2015-2019 (%)	2020 Annual Tables Rank
1	China	7819.90	9385	2764.29	54.7 %	1
2	Russia	138.38	306	30.73	28.5 %	19
3	Austria	111.57	230	11.06	11.0 %	21
4	Thailand	19.82	51	10.86	121.0 %	37
5	Czech Republic	92.46	179	7.27	8.5 %	23
6	Australia	389.42	775	6.78	1.8 %	12
7	Norway	23.17	58	6.12	35.9 %	32
8	Slovenia	19.02	39	5.86	44.6 %	38
9	Switzerland	479.51	787	5.44	1.1 %	9
10	Luxembourg	5.27	18	4.27	429.1 %	49



*Các chuyên gia đánh giá ABET trong buổi làm việc tại ĐH Duy Tân*

**Đối với các cơ sở nghiên cứu của Việt Nam, dữ liệu từ Nature Index trong khung thời gian 1.1.2019 đến 31.12.2019 cho thấy có 30 đơn vị được xếp hạng. 3 đơn vị đứng đầu là:**

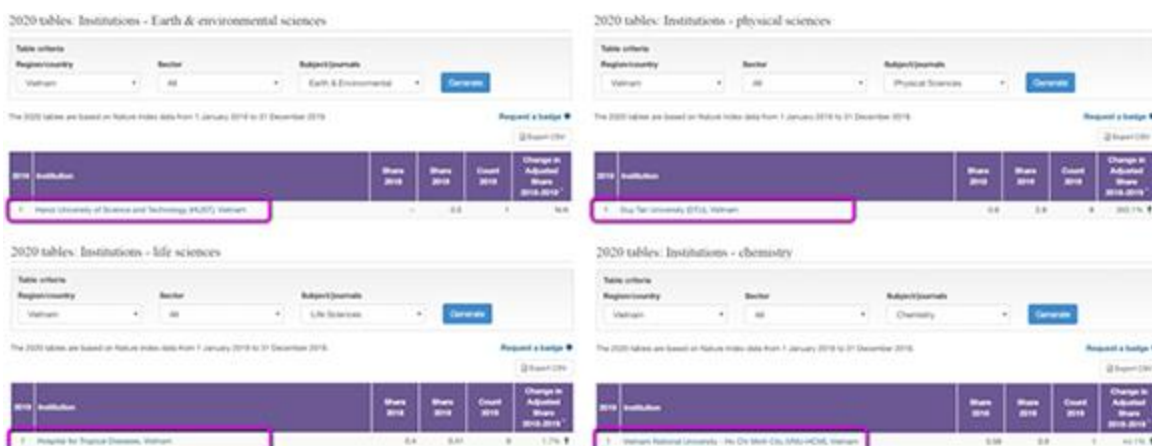
1. Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ VN,
2. Trường **ĐH Duy Tân**, và
3. Trường ĐH Bách khoa Hà Nội.

Điểm mới là trong Top 10 năm nay có sự xuất hiện lần đầu tiên của Trường ĐH Phenikaa, và ngay lập tức đứng vị trí thứ 5 với 1,48 điểm.

2019	Institution	Share 2018	Share 2019	Count 2019	Change in Adjusted Share 2018-2019 *
1	Vietnam Academy of Science and Technology (VAST), Vietnam	3.87	3.44	30	-14.0% ↓
2	Duy Tan University (DTU), Vietnam	0.66	3.09	12	355.3% ↑
3	Hanoi University of Science and Technology (HUST), Vietnam	2	1.83	3	-11.3% ↓
4	Vietnam National University, Hanoi (VNU), Vietnam	2.61	1.51	20	-44.2% ↓
5	Phenikaa University, Vietnam	-	1.48	3	N/A
6	International Centre for Interdisciplinary Science and Education (ICISE), Vietnam	0.29	1.28	5	326.1% ↑
7	Vietnam National University - Ho Chi Minh City (VNU-HCM), Vietnam	1.4	1.16	4	-19.5% ↓
8	Hospital for Tropical Diseases, Vietnam	0.4	0.41	6	-0.5% ↓
9	Le Quy Don Technical University, Vietnam	0.14	0.33	1	125.7% ↑
10	National Institute of Infectious and Tropical Diseases (NIITD), Vietnam	0.4	0.29	6	-30.5% ↓
11	Can Tho University (CTU), Vietnam	0.17	0.22	2	26.3% ↑
12	Hanoi Lung Hospital, Vietnam	-	0.2	1	N/A
13	Vinmec Healthcare System, Vietnam	0.02	0.17	1	947.9% ↑
13	Hanoi University of Natural Resources and Environment (HUNRE), Vietnam	-	0.17	1	N/A
14	Ton Duc Thang University (TDTU), Vietnam	0.89	0.16	2	-82.4% ↓
15	Nguyen Tat Thanh University (NTTU), Vietnam	-	0.16	3	N/A
16	Hospital for Dermato-Venereology, Vietnam	-	0.11	1	N/A
17	Vietnam Ministry of Science and Technology (MOST), Vietnam	-	0.09	4	N/A
18	Fulbright University Vietnam, Vietnam	0.06	0.07	1	24.4% ↑
18	Quy Nhon University (GNU), Vietnam	-	0.07	1	N/A
19	Cho Ray Hospital, Vietnam	-	0.04	1	N/A
20	University of Science and Technology of Hanoi (USTH), Vietnam	0.46	0.03	1	-93.4% ↓
21	University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh City, Vietnam	0.24	0.03	2	-88.2% ↓
22	Pham Ngoc Thach University of Medicine (PNT), Vietnam	0.01	0.03	1	222.4% ↑
23	Institute of Public Health in Ho Chi Minh City, Vietnam	-	0.02	1	N/A
24	Hanoi Medical University (HMU), Vietnam	-	0.01	3	N/A
25	National Institute of Nutrition, Vietnam	-	0	1	N/A
26	Vietnamese Academy of Forest Science (VAFS), Vietnam	-	0	1	N/A
27	Hanoi National University of Education (HNUE), Vietnam	0.04	0	1	-95.5% ↓
28	Hanoi University of Public Health (HUPH), Vietnam	-	0	1	N/A
29	Vietnam Military Medical University (VMMU), Vietnam	-	0	1	N/A
30	Vietnam Ministry of Health, Vietnam	-	0	1	N/A
30	Bach Mai Hospital, Vietnam	-	0	1	N/A
30	National Institute of Hygiene and Epidemiology (NIHE), Vietnam	-	0	1	N/A

Phân tích đơn vị đứng đầu trong từng lĩnh vực ở VN cho thấy:

- Khoa học Trái đất và Môi trường: Trường ĐH Bách khoa Hà Nội,
- Khoa học Sự sống: Bệnh viện Nhiệt đới,
- Hóa học: ĐH Quốc gia TP.Hồ Chí Minh, và
- Vật lý: Trường ĐH Duy Tân.



Ở cấp độ toàn cầu, Nature Index cũng đưa ra bảng xếp hạng top 500 trường đại học, viện nghiên cứu hàng đầu. Phân tích đã cho thấy chỉ có 34 quốc gia trên toàn thế giới góp mặt. Trong đó, số lượng cơ sở nghiên cứu của 3 nước xếp đầu tiên là Mỹ, Trung Quốc và Đức, đã chiếm hơn 50% so với các quốc gia còn lại.

TT	QG/VLT	Số Cơ sở NC	TT	QG/VLT	Số Cơ sở NC
1	USA	139	18	Austria	4
2	China	95	19	Taiwan	4
3	Germany	42	20	Singapore	3
4	UK	34	21	Russia	3
5	Japan	20	22	Denmark	3
6	France	18	23	Norway	3
7	Canada	15	24	Poland	3
8	Switzerland	14	25	Czech Republic	2
9	Australia	13	26	Finland	2
10	South Korea	12	27	New Zealand	2
11	Italy	12	28	Saudi Arabia	1
12	Netherlands	11	29	Hungary	1
13	India	11	30	Portugal	1
14	Spain	9	31	Mexico	1
15	Sweden	8	32	Brazil	1
16	Israel	6	33	Argentina	1
17	Belgium	5	34	Ireland	1

Ở bảng xếp hạng 100 cơ sở nghiên cứu “đang lên”, số lượng các trường của Trung Quốc chiếm số lượng áp đảo với 84 trường, cho thấy tốc độ phát triển về nghiên cứu chất lượng cao của Trung Quốc là đáng kinh ngạc. Nhưng nếu xét riêng các lĩnh vực, số cơ sở đang lên của Mỹ vẫn vượt trội hơn Trung Quốc ở 3/4 lĩnh vực: Khoa học Trái đất & Môi trường, Khoa học sự sống, và Vật lý.

<b>TT</b>	<b>Quốc gia</b>	<b>Số lượng trường/viện</b>
1	China	84
2	USA	4
3	South Korea	2
4	India	2
5	Russia	1
6	Germany	1
7	Singapore	1
8	Czech Republic	1
9	Switzerland	1
10	Norway	1
11	Austria	1
12	Netherlands	1

TT	QG/VLT	KH TĐ-MT	QG/VLT	KH Sự sống	QG/VLT	Vật lý	QG/VLT	Hóa học
1	USA	45	USA	52	USA	36	China	35
2	China	22	China	9	China	21	USA	31
3	UK	6	UK	8	Germany	7	Germany	8
4	Australia	5	Switzerland	6	UK	6	Japan	8
5	Canada	4	Germany	6	South Korea	6	UK	5
6	Switzerland	3	Japan	3	Japan	6	Singapore	2
7	Germany	3	Canada	3	France	3	South Korea	2
8	Japan	3	Israel	3	Switzerland	3	Switzerland	2
9	Denmark	2	Australia	2	Israel	2	India	1
10	France	2	France	2	Italy	2	Spain	1
11	Norway	2	Sweden	1	Singapore	2	France	1
12	Netherlands	1	Netherlands	1	Saudi Arabia	1	Australia	1
13	Singapore	1	Belgium	1	India	1	Canada	1
14	Spain	1	Singapore	1	Denmark	1	Saudi Arabia	1
15	--	--	Denmark	1	Russia	1	Russia	1
16	--	--	Spain	1	Canada	1	--	--
17	--	--	--	--	Spain	1	--	--

**Nature Index** là một cơ sở dữ liệu về địa chỉ tác giả và mối liên kết giữa các tổ chức nghiên cứu. Cơ sở dữ liệu này theo dõi và ghi nhận sự đóng góp vào các bài báo nghiên cứu được công bố trên 82 tạp chí chất lượng cao thuộc các lĩnh vực khoa học tự nhiên; được chọn ra bởi các nhà nghiên cứu độc lập.

Cách xếp hạng của Nature Index là dựa vào 2 chỉ số:

- AC: (hiện nay gọi là Count) đếm số bài báo tuyệt đối,
- FC: (gọi là Share) đếm tỷ lệ đóng góp ở các cấp độ trường đại học/viện nghiên cứu/bệnh viện, hay cấp độ quốc gia.

Trong đó, chỉ số FC sẽ được sử dụng để xếp hạng.

Dữ liệu sử dụng cho việc xếp hạng được cập nhật liên tục trong 12 tháng gần nhất. Nature Index tập hợp nhiều bảng xếp hạng: top cơ sở nghiên cứu; top các quốc gia/vùng lãnh thổ; top các quốc gia đang lên; top các cơ sở nghiên cứu đang lên;... Bên cạnh đó còn có các bảng xếp hạng trong 4 lĩnh vực chính:

- Khoa học Trái đất và Môi trường,
- Khoa học Sự sống,

- Vật lý, và
- Hóa học.

Do chỉ tập trung vào 4 lĩnh vực khoa học và 82 tạp chí uy tín nhất thế giới, nên Nature Index không thể được xem là là bảng xếp hạng tổng thể về nghiên cứu cho đủ các ngành nghề. Nhưng nó lại luôn được xem là chỉ số cơ bản cho nghiên cứu chất lượng cao ở các mảng Khoa học tự nhiên và Khoa học sức khỏe và sự sống, với nhiều cơ hội cho các trường, viện nhanh chóng leo thứ hạng nếu biết đầu tư đúng vào các nhân lực nghiên cứu có chuyên môn cao.

(Nguồn: [https://thanhnien.vn/giao-duc/vn-top-10-chau-a-thai-binh-duong-ve-cong-bo-quoc-te-chat-luong-cao-1227821.html?fbclid=IwAR07Am2c0WYCPGnWi2zU8d5owOGZ\\_\\_TQsBVzCHDTVIRQzMGDwB-gzFFkg-o](https://thanhnien.vn/giao-duc/vn-top-10-chau-a-thai-binh-duong-ve-cong-bo-quoc-te-chat-luong-cao-1227821.html?fbclid=IwAR07Am2c0WYCPGnWi2zU8d5owOGZ__TQsBVzCHDTVIRQzMGDwB-gzFFkg-o))